

An Giang, ngày 15 tháng 6 năm 2026

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN
TỈNH AN GIANG**

1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu sông và quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi nội vùng, diễn biến xu thế mực nước lên chậm.

- Khu vực thượng nguồn sông Mekong (Kratie): Mực nước tăng chậm.
- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước lên chậm. Mực nước cao nhất thấp hơn cùng kỳ năm 2025 từ 05-10cm và cao hơn TBNN từ 05-25cm
- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): mực nước lên chậm. Mực nước cao nhất thấp hơn cùng kỳ năm 2025 từ 05-10cm và cao hơn TBNN từ 25-45cm
- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): Mực nước trên các sông, kênh, rạch xuống chậm, một số trạm lên chậm. Mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 14/6 thấp hơn cùng kỳ năm 2025 từ 20-50cm và phổ biến thấp hơn TBNN từ 05-15cm.
- Khu vực cửa sông: Mực nước lên chậm, đỉnh triều trạm Xẻo Rô dưới BĐI là 16cm.

2. Dự báo, cảnh báo

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: mực nước trên các sông, kênh có xu thế lên chậm theo triều trong 2-3 ngày tới, sau xuống chậm.
- Vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên: mực nước có xu thế lên chậm theo triều trong 2-3 ngày tới, sau xuống chậm.
- Khu vực nội đồng TGLX: mực nước cao nhất và thấp nhất trên các kênh, rạch biến đổi chậm trong những ngày tới.
- Vùng cửa sông: Đỉnh triều trên sông Cái Lớn - Cái Bé có xu thế lên chậm theo triều tới ngày 17/6 và ở mức dưới BĐI khoảng 06cm.
- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Khả năng xuất hiện xâm nhập mặn trên sông Cái Lớn-Cái Bé, kênh Cái Sắn vào thời điểm triều cường.
- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Độ mặn 4‰ có khả năng ảnh hưởng đến sinh hoạt và hoạt động sản xuất người dân.

3. Ghi chú

Thông tin dự báo được đăng trên website: <http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van>

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày 16/6/2026

Tin phát lúc: 11h30'

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**

Nguyễn Thị Cẩm Loan

Phụ lục

Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Đơn vị: cm

| Sông, kênh, rạch | Trạm | Cấp báo động lũ (cm) | | | Giá trị ngày | | So với | | So với cùng kỳ 2025 | | So với TBNN | | Dự báo | | | | |
|------------------|--------------|----------------------|-------|--------|--------------|-----|--------|----|---------------------|---|-------------|----|--------|-------|-------|-------|-------|
| | | BĐ I | BĐ II | BĐ III | 14/06 | | 13/06 | | | | | | 15/06 | 16/06 | 17/06 | 18/06 | 19/06 |
| Tiền | Tân Châu | 350 | 400 | 450 | Hmax | 127 | 6 | ▲ | -17 | ▼ | 8 | ▲ | 132 | 137 | 135 | 130 | 125 |
| | | | | | Hmin | -33 | 5 | ▲ | -34 | ▼ | -61 | ▼ | -34 | -36 | -38 | -40 | -35 |
| Ông Chường | Chợ Mới | 200 | 250 | 300 | Hmax | 134 | 11 | ▲ | -10 | ▼ | 27 | ▲ | 139 | 144 | 142 | 137 | 132 |
| | | | | | Hmin | -54 | 2 | ▲ | -30 | ▼ | -35 | ▼ | -55 | -57 | -59 | -61 | -56 |
| Hậu | Khánh An | 420 | 470 | 520 | Hmax | 126 | 9 | ▲ | -32 | ▼ | 0 | ◀▶ | 131 | 136 | 134 | 129 | 124 |
| | | | | | Hmin | 21 | 2 | ▲ | -52 | ▼ | -38 | ▼ | 20 | 18 | 16 | 14 | 19 |
| | Châu Đốc | 300 | 350 | 400 | Hmax | 145 | 11 | ▲ | -12 | ▼ | 27 | ▲ | 150 | 155 | 153 | 148 | 143 |
| | | | | | Hmin | -41 | 4 | ▲ | -37 | ▼ | -52 | ▼ | -42 | -44 | -46 | -48 | -43 |
| | Long Xuyên | 190 | 220 | 250 | Hmax | 151 | 12 | ▲ | 1 | ▲ | 44 | ▲ | 156 | 161 | 159 | 154 | 149 |
| | | | | | Hmin | -55 | 2 | ▲ | -23 | ▼ | -15 | ▼ | -56 | -58 | -60 | -62 | -57 |
| Vàm Nao | Vàm Nao | 250 | 290 | 330 | Hmax | 138 | 12 | ▲ | -11 | ▼ | 26 | ▲ | 143 | 149 | 147 | 142 | 132 |
| | | | | | Hmin | -51 | 4 | ▲ | -32 | ▼ | -43 | ▼ | -52 | -54 | -56 | -58 | -53 |
| Vĩnh Tế | Xuân Tô | 300 | 350 | 400 | Hmax | 24 | 6 | ▲ | -46 | ▼ | -17 | ▼ | 27 | 29 | 31 | 33 | 33 |
| | | | | | Hmin | -9 | -1 | ▼ | -53 | ▼ | -27 | ▼ | -5 | -7 | -9 | -11 | -6 |
| | Vĩnh Gia | 200 | 240 | 280 | Hmax | 26 | 6 | ▲ | -39 | ▼ | 1 | ▲ | 29 | 31 | 33 | 35 | 37 |
| | | | | | Hmin | 11 | 3 | ▲ | -42 | ▼ | -8 | ▼ | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 |
| | Vĩnh Điều | 170 | 200 | 230 | Hmax | 29 | -1 | ▼ | -41 | ▼ | -12 | ▼ | 32 | 34 | 36 | 38 | 40 |
| | | | | | Hmin | 17 | -3 | ▼ | -42 | ▼ | -13 | ▼ | 25 | 26 | 27 | 28 | 29 |
| T3 | Vĩnh Phú | 150 | 180 | 210 | Hmax | 22 | 0 | ◀▶ | -49 | ▼ | -15 | ▼ | 25 | 27 | 29 | 31 | 33 |
| | | | | | Hmin | 10 | -5 | ▼ | -50 | ▼ | -15 | ▼ | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 |
| T5 | Nông Trường | 160 | 190 | 220 | Hmax | 25 | -2 | ▼ | -52 | ▼ | -18 | ▼ | 29 | 31 | 33 | 35 | 37 |
| | | | | | Hmin | 17 | -4 | ▼ | -51 | ▼ | -13 | ▼ | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 |
| Tri Tôn | Tri Tôn | 200 | 240 | 280 | Hmax | 32 | 9 | ▲ | -41 | ▼ | -9 | ▼ | 36 | 39 | 41 | 43 | 43 |
| | | | | | Hmin | -6 | -1 | ▼ | -51 | ▼ | -25 | ▼ | -2 | -4 | -6 | -8 | -3 |
| | Cô Tô | 140 | 180 | 220 | Hmax | 48 | 8 | ▲ | -41 | ▼ | 13 | ▲ | 51 | 53 | 55 | 57 | 57 |
| | | | | | Hmin | 24 | -1 | ▼ | -44 | ▼ | 1 | ▲ | 28 | 26 | 24 | 22 | 27 |
| | Nam Thái Sơn | 90 | 120 | 150 | Hmax | 34 | 7 | ▲ | -40 | ▼ | -16 | ▼ | 37 | 39 | 41 | 43 | 43 |
| | | | | | Hmin | 17 | -1 | ▼ | -45 | ▼ | -14 | ▼ | 23 | 21 | 19 | 17 | 22 |
| Tám Ngàn | Lò Gạch | 170 | 210 | 250 | Hmax | 41 | 10 | ▲ | -22 | ▼ | 20 | ▲ | 44 | 46 | 48 | 50 | 50 |
| | | | | | Hmin | 22 | 3 | ▲ | -26 | ▼ | 10 | ▲ | 27 | 25 | 23 | 21 | 26 |
| Ba Thê | Vọng Thê | 140 | 180 | 220 | Hmax | 68 | 11 | ▲ | -34 | ▼ | 13 | ▲ | 71 | 73 | 75 | 77 | 77 |
| | | | | | Hmin | 40 | 1 | ▲ | -41 | ▼ | 4 | ▲ | 46 | 44 | 42 | 40 | 45 |
| Núi Chóc Năng Gù | Vĩnh Hanh | 190 | 230 | 270 | Hmax | 94 | 13 | ▲ | -29 | ▼ | 20 | ▲ | 97 | 99 | 101 | 103 | 103 |
| | | | | | Hmin | 26 | -1 | ▼ | -50 | ▼ | -13 | ▼ | 34 | 32 | 30 | 28 | 33 |
| RG-LX | Núi Sập | 140 | 180 | 220 | Hmax | 64 | 12 | ▲ | -25 | ▼ | 6 | ▲ | 67 | 69 | 71 | 73 | 73 |
| | | | | | Hmin | 25 | 3 | ▲ | -41 | ▼ | -11 | ▼ | 32 | 30 | 28 | 26 | 31 |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---------|-----------|-----|-----|-----|------|-----|----|---|-----|---|-----|----|-----|-----|-----|-----|-----|
| RG-LX | Tân Thành | 120 | 150 | 180 | Hmax | 50 | 11 | ▲ | -27 | ▼ | -6 | ▼ | 53 | 55 | 57 | 59 | 59 |
| | | | | | Hmin | 25 | 2 | ▲ | -35 | ▼ | -11 | ▼ | 35 | 33 | 31 | 31 | 32 |
| Cái Sắn | Tân Hiệp | 90 | 120 | 150 | Hmax | 39 | 11 | ▲ | -21 | ▼ | 3 | ▲ | 43 | 45 | 47 | 49 | 49 |
| | | | | | Hmin | 14 | 1 | ▲ | -31 | ▼ | 0 | ◀▶ | 25 | 23 | 21 | 21 | 22 |
| Kiên | Rạch Giá | 70 | 80 | 90 | Hmax | 15 | 9 | ▲ | -27 | ▼ | -20 | ▼ | 20 | 25 | 30 | 25 | 15 |
| | | | | | Hmin | -17 | 2 | ▲ | -12 | ▼ | 11 | ▲ | -2 | -4 | -6 | -8 | -10 |
| Cái Lớn | Xẻo Rô | 80 | 90 | 100 | Hmax | 64 | 4 | ▲ | 11 | ▲ | 22 | ▲ | 68 | 70 | 72 | 67 | 57 |
| | | | | | Hmin | -38 | 2 | ▲ | 4 | ▲ | 0 | ◀▶ | -38 | -42 | -47 | -42 | -34 |

Chú thích: ▲ Cao hơn; ▼ Thấp hơn; ◀▶ Xấp xỉ;

Phụ lục 2: Đường quá trình mực nước thực đo và dự báo các trạm





